UBND TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ KHMER

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Mã số học phần: 170006

I. Thông tin về học phần

Tên học phần: Nhân học đại cương

Tên Tiếng Anh: Introduction to Anthropology

Đơn vị phụ trách: Bộ môn SPNV & Ngôn ngữ Khmer
Khoa NN – VH – NT Khmer Nam Bộ

Số tín chỉ: 2 tín chỉ (01 tín chỉ lý thuyết, 01 tín chỉ thực hành)

Phân bố thời gian: 11 tuần.

Học kỳ: II (năm thứ I)

Các giảng viên phụ trách học phần:

- GV phụ trách chính: ThS. Thạch Thị Rọ Mu Ni, SĐT: 0964619849; Email: thachromuni@tvu.edu.vn

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Môn học tiên quyết: Không

Học phần thuộc khối kiến thức *(Đánh dấu ✓ vào ô được chọn)*

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☐					
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☐		Tốt nghiệp	
		Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☒

II. Lần biên soạn/hiệu chỉnh

- Lần thứ: 1
- Ngày hiệu chỉnh: 10/7/2020
- Lý do và nội dung hiệu chỉnh: *Cập nhật đề cương môn học hàng năm theo Quy định của Trường Đại học Trà Vinh.*

III. Mô tả học phần

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết Nhân học, các tộc người và các cộng đồng tộc người trong lịch sử; các chủng tộc và mối quan hệ với dân tộc; những khái niệm, lý luận cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong Nhân học; Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng phân tích, kỹ năng làm việc đội nhóm, thuyết trình. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về vai trò của nghiên cứu nhân học đối với ngành học của mình. Chủ động, tự giác, tích cực tham gia vào các nhóm thực hành để thực hành nghiên cứu có

hiệu quả. Trung thực, có ý thức tổ chức, kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp trong việc rèn luyện, trau dồi các kỹ năng, vận dụng sáng tạo trong từng tình huống cụ thể.

**** Mục tiêu:***

CELO 1: Xác định những kiến thức đại cương về lý thuyết nhân học: các khái niệm cơ bản, lý thuyết về phương pháp nghiên cứu nhân học

CELO 2: Mô tả các tộc người và các cộng đồng tộc người trong lịch sử

CELO 3: Trình bày các chủng tộc và mối quan hệ với dân tộc

CELO 4: Giải thích được quá trình hình thành tộc người ở Việt Nam

CELO 5: Mô tả được mối quan hệ giữa tộc người với các thành tố khác như: ngôn ngữ, văn hóa, kinh tế, hôn nhân,...

CELO 6: Vận dụng phương pháp nghiên cứu nhân học trong thực hiện các dự án nghiên cứu

CELO 7: Phát triển kỹ năng phân tích, làm việc đội, nhóm, thuyết trình

CELO 8: Rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về vai trò của nghiên cứu nhân học đối với ngành học của mình

IV. Kết quả học tập:

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra sau đây của chương trình đào tạo (CTĐT) theo mức độ sau: *(Bảng dưới đây là trích ngang của Matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho Chuẩn đầu ra (CĐR - ELOs) của CTĐT).*

- *Mức L: Mức độ học tập thấp trong phân loại Bloom's Taxonomy (Kiến thức và Hiểu biết)*
- *Mức M: Mức độ học tập trung bình trong phân loại Bloom's Taxonomy (Ứng dụng và Phân tích);*
- *Mức H: Mức độ học tập cao trong phân loại Bloom's Taxonomy (Đánh giá và Sáng tạo);*
- *Bỏ nếu không có đồng ý*

Mã HP	**Tên HP**	**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**											
		ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
170006	NHĐC	M				M	L	M				L	L

Ký hiệu	**Kết quả học tập mong đợi (KQHTMĐ) của học phần** Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:	**CĐR của CTĐT**
Kiến thức		
CELO 1	Xác định những kiến thức đại cương về lý thuyết nhân học: các khái niệm cơ bản, lý thuyết về phương pháp nghiên cứu nhân học	ELO: 1, 5, 6, 7
CELO 2	Mô tả các tộc người và các cộng đồng tộc người trong lịch sử	ELO: 1, 5, 6, 7
CELO 3	Trình bày các chủng tộc và mối quan hệ với dân tộc	ELO: 1, 5, 6, 7
CELO 4	Giải thích được quá trình hình thành tộc người ở Việt Nam	ELO: 1, 5, 6, 7
CELO 5	Mô tả được mối quan hệ giữa tộc người với các thành tố khác như: ngôn ngữ, văn hóa, kinh tế, hôn nhân,...	ELO: 1, 5, 6, 7
Kĩ năng		
CELO 6	Vận dụng phương pháp nghiên cứu nhân học trong thực hiện các dự án nghiên cứu	ELO: 1, 5, 6, 7

CELO 7	Phát triển kỹ năng phân tích, làm việc đội, nhóm, thuyết trình	ELO: 1, 5, 6, 7
Thái độ		
CELO 8	Rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về vai trò của nghiên cứu nhân học đối với ngành học của mình	ELO11

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

5.1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Powerpoint
- Thảo luận nhóm, học bằng hình thức giải quyết vấn đề.

5.2. Phương pháp học tập

- Lắng nghe, trả lời câu hỏi
- Đọc tài liệu trước khi đến lớp, thảo luận, đặt câu hỏi và phản hồi ý kiến của GV, bạn học.

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự các buổi học theo quy định của nhà trường.
- Đọc trước tài liệu và thực hiện yêu cầu của GV.
- Tích cực tham gia đặt câu hỏi, trao đổi, cầu thị.
- Hoàn thành các nhiệm vụ tự học.

VII. Đánh giá và cho điểm

7.1. Thang điểm: 10

7.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

- Đánh giá quá trình: 02 lần (chiếm 50%), kiểm tra viết và thuyết trình
- Đánh giá học phần: thi cuối kỳ (chiếm 50%), kiểm tra viết

VIII. Nội dung học phần và hình thức đánh giá

8.1. Nội dung học phần:

- Nội dung cơ bản, cốt lõi tối thiểu (chiếm khoảng 80 % thời lượng giảng dạy):

Môn học nhằm giúp cho người học về (i) lý thuyết Nhân học, các tộc người và các cộng đồng tộc người trong lịch sử; (ii) các chủng tộc và mối quan hệ với dân tộc; (iii) những khái niệm, lý luận cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong Nhân học.

- Nội dung cập nhật, giới thiệu thêm (chiếm khoảng 20% thời lượng giảng dạy):

Kỹ năng đọc các tài liệu là các bài báo nghiên cứu về nhân học đại cương.

8.2. Hình thức đánh giá:

Chương/Bài	CELOs	Hình thức đánh giá	Nội dung đánh giá
Bài 1: Những vấn đề chung của Nhân học	1,2,3,5	Vấn đáp	Trình bày khái niệm nhân học và phương pháp nghiên cứu nhân học

Bài 2: Tộc người và quá trình tộc người	2,3,4,5,6,7	Thuyết trình	Phân tích khái niệm tộc người, các tiêu chí xác định tộc người
Bài 3: Văn hóa	1,3,5,6,7	Thuyết trình	Phân tích các hình thái của văn hóa
Bài 4: Tôn giáo	1,3,5	Bài viết	Phân tích các hình thái của tôn giáo
Bài 7: Nhân học ứng dụng	2,4,6,7	Thuyết trình	Xây dựng kịch bản phim nhân học

Matrix đánh giá KQHTMĐ của học phần *(Đánh dấu ✓ vào ô được chọn)*

Các KQHTMĐ của HP	Tham dự lớp (10%)	Bài tập (20%)	Thực hành (20%)	Thi cuối kỳ (50 %)
CELO1	X	X	X	X
CELO2	X	X	X	X
CELO3	X	X	X	X
CELO4	X	X	X	X
CELO5	X	X	X	X
CELO6	X	X	X	X
CELO7	X	X	X	X
CELO8	X	X	X	X
CELO9	X	X	X	X
CELO10	X	X	X	
CELO11	X	X	X	
CELO12	X	X	X	

IX. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung chi tiết	KQHTMĐ của HP (CELO)
1	**Bài 1 Những vấn đề chung của Nhân học**	1,2,3,5
	1.1. Nhân học là gì?	
	1.2. Quan điểm của nhân học	
	1.3. Sự hình thành và phát triển của nhân học	
	1.4. Điền dã dân tộc học	
2,3	**Bài 2 Tộc người và quá trình tộc người**	2,3,4,5,6,7
	2.1. Một vài định nghĩa	
	2.2. Các tiêu chí xác định tộc người	
	2.3. Các nhân tố tác động đến tộc người	
	2.4. Cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam	
	2.5. Đặc điểm của các tộc người ở Việt Nam	
	2.6. Quá trình tộc người	
4,5	**Bài 3 Văn hóa**	1,3,5,6,7
	3.1. Các khái niệm về văn hoá	

	3.2. Văn hoá trong nghiên cứu nhân học	
	3.3. Phân loại văn hoá	
	3.4. Một số lý thuyết liên quan đến nhân học văn hoá	
	3.5. Một số hình thái của văn hoá	
6,7	**Bài 4 Tôn giáo**	1,3,5
	4.1. Khái niệm tôn giáo	
	4.2. Các hình thái của tôn giáo	
	4.3. Tính chất của tôn giáo	
	4.4. Lĩnh vực hoạt động của tôn giáo	
8	**Bài 5 Kinh tế**	
	5.1. Mối quan hệ giữa kinh tế học và nhân học	
	5.2. Mối quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên	
	5.3. Hệ thống kinh tế	
	5.4. Toàn cầu hoá kinh tế	
9	**Bài 6 Thân tộc – hôn nhân – gia đình**	
	6.1. Thân tộc	
	6.2. Hôn nhân	
	6.3. Gia đình	
10,11	**Bài 7 Nhân học ứng dụng**	2,4,6,7
	7.1. Khái niệm nhân học ứng dụng	
	7.2. Quá trình hình rhành và phát triển của nhân học ứng dụng	
	7.3. Các lĩnh vực nghiên cứu phổ biến của nhân học ứng dụng	

X. Tài liệu tham khảo

1. Đặng Nghiêm Vạn, Ngô Văn Lệ, Nguyễn Văn Tiệp (1998), *Dân tộc học đại cương*, NXB Giáo dục.

2. Vũ Minh Chi (2004), *Nhân học văn hoá: Con ngươi với thiên nhiên, xã hội và thế giới siêu nhiên*, NXB Chính trị Quốc gia.

3. Emily a.Schultz-robert h.Lavenda (2001), *Nhân học, một quan điểm về tình trạng nhân sinh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, bảng, phấn, giấy A0, bút lông, nam châm.

Trà Vinh, ngày tháng năm 20….

TRƯỞNG KHOA	**TRƯỞNG BỘ MÔN**	**GV BIÊN SOẠN**
(Kí và ghi rõ họ tên)	*(Kí và ghi rõ họ tên)*	*(Kí và ghi rõ họ tên)*

Thạch Thị Rọ Mu Ni

PHỤ LỤC

KHOA NN – VH – NT KHMER NB
BỘ MÔN SPNV & NN KHMER
LỚP:
MÃ LỚP:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

1. Họ và tên (giảng viên đánh giá):
2. Chức danh, học vị: thạc sĩ
3. Đơn vị công tác: Khoa NN - VH - NT Khmer Nam Bộ
4. Họ và tên sinh viên thực hiện:
5. Môn học: Nhân học đại cương
6. Địa điểm thực hiện: Trường Đại học Trà Vinh
7. Thời gian đánh giá:

Rubric 1: Đánh giá Bài viết

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Nội dung	70	Phân tích đầy đủ, đúng nội dung	Phân tích khá đầy đủ, đúng nội dung	Phân tích chưa đầy đủ, tương đối phù hợp nội dung	Phân tích không đúng nội dung
Hình thức	20	Đạt/vượt yêu cầu	Phù hợp	Tương đối phù hợp	Không phù hợp
Khác: sáng tạo/ấn tượng	10	Thể hiện được quan điểm cá nhân, sáng tạo	Thể hiện được quan điểm cá nhân, chưa sáng tạo	Chưa thể hiện được quan điểm cá nhân, chưa sáng tạo	Không thể hiện được quan điểm cá nhân, không sáng tạo

Rubric 2: Thuyết trình

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Nội dung	50	Nội dung được thể hiện khoa học, mạch lạc, lập luận + dẫn chứng đầy đủ, phù hợp, không sai kiến thức	Nội dung được thể hiện tương đối khoa học, lập luận dẫn chứng đầy đủ, phù hợp, không sai kiến thức	Nội dung được thể hiện chưa khoa học, lập luận dẫn chứng chưa đầy đủ, phù hợp, có sai kiến thức	Nội dung được thể không khoa học, không lập luận, không dẫn chứng đầy đủ, sai nhiều kiến thức.
Hình thức	10	- Bản thiết kế ppt sinh động, khoa học, dễ nhìn. - Không mắc lỗi hành văn	- Bản thiết kế ppt phù hợp. - Có mắc lỗi hành văn	- Bản thiết kế ppt còn hạn chế. - Mắc nhiều lỗi hành văn	Bản thiết kế ppt có nhiều hạn chế, mắc nhiều lỗi hành văn, không phù hợp cấu trúc bài thuyết trình

Thuyết trình	30	Trình bày lưu loát, thuyết phục; giọng to rõ, xử lí và trả lời câu hỏi tốt.	Trình bày lưu loát, thuyết phục; giọng to rõ, xử lí và trả lời câu hỏi tương đối tốt.	Trình bày chưa đủ thuyết phục; xử lí và trả lời câu hỏi chưa tốt.	Trình bày không lưu loát, không thuyết phục; giọng nhỏ, không thuyết phục
Khác: sáng tạo/ấn tượng	10	-Nộp bài, thuyết trình đảm bảo thời gian quy định - Sáng tạo	Nộp bài, thuyết trình đảm bảo thời gian quy định	-Nộp bài, thuyết trình chưa đảm bảo thời gian quy định	-Nộp bài, thuyết trình không đảm bảo thời gian quy định.

Rubric 3: Đánh giá THI CUỐI KÌ

Tiêu chí	**Điểm số**	**Mức chất lượng**			
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Kém**
	10	*100%*	*75%*	*50%*	*0%*
Nội dung	7	- Trả lời đúng tất cả nội dung - Có ví dụ minh họa và phân tích phù hợp	- Trả lời thiếu tối đa 25% nội dung quan trọng - Có ví dụ minh họa và phân tích phù hợp	- Trả lời thiếu tối đa 50% nội dung quan trọng - Không có ví dụ minh họa và phân tích phù hợp	- Trả lời thiếu nhiều hơn 50% nội dung quan trọng.
Hình thức	2	-Trình bày mạch lạc, khoa học -Không mắc lỗi hành văn	- Trình bày mạch lạc, khoa học - Có lỗi hành văn	-Trình bày mạch lạc, khoa học - Mắc nhiều lỗi hành văn	-Trình bày không khoa học -Mắc nhiều lỗi hành văn
Ý mới	1	Cộng tối đa 1 điểm cho những bài có nội dung trả lời mang tính mới so với đáp án nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác. *Điểm tổng bài thi không quá 10 điểm*			